



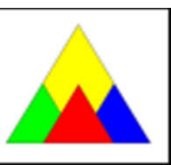
# Nhân một trường hợp hạch toàn thân

Bác sĩ Nguyễn Thúy Nga  
Trung tâm Y khoa Medic

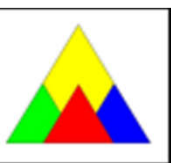


# Bệnh án

- BN: V.N.Đ - Nam – 31 tuổi
- Nghề nghiệp: Công nhân
- ĐC: Biên Hòa, Đồng Nai
- Đến Medic khám ngày 08/09/2022
- **Lý do khám:** Đau thắt lưng lan chân trái, kèm phát ban đỏ trên da đùi và cẳng chân (T) gây đau rát
- **Tiền sử:** Viêm xoang. Chích ngừa Covid 3 mũi. Chưa nhiễm Covid. Gia đình bt.
- **Bệnh sử:** Khởi phát khoảng 1 tuần với triệu chứng đau đầu, đau nhức chân (T) từ thắt lưng xuống. BN điều trị tại địa phương, uống thuốc không rõ loại --> không giảm đau + nổi mẩn đỏ vùng đùi (T) gây đau rát. BN được chẩn đoán dị ứng thuốc, điều trị vài ngày không đỡ, sau đó xuất hiện vài bóng nước trên da vùng đùi (T), BN đau rất nhiều --> đến TT Medic khám.



- **Khám**
  - HA: 12/8 cm Hg - Mạch: 102 lần/phút - Nhiệt độ: 37°C
  - Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt, niêm hồng, không phù.
  - Tim đều, phổi trong, bụng mềm
- **Cận lâm sàng:** XN máu - ECG – SA bụng + mạch máu 2 chân - Xquang phổi thẳng - Xquang CSTL (thẳng - nghiêng)



\*7033554\*

**ĐIỆN TÂM ĐỒ - ĐIỆN TOÁN**  
(DIGITAL ELECTRO CARDIOGRAPHY)



ID : 7033554

STT : 333

Bệnh nhân :

Địa chỉ :

NAI

Bác sĩ chỉ định :

Ngày ĐK : 08/09/2022 08:07

Lâm sàng :

**PHÂN TÍCH ECG (ANALYSIS) :**

aQRS: 60 Rhythm: **XOANG** Rate: 100 Interval : PR: 0.12 QRS: 0.08 QT: 0.32

PWave : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

QRS Complex : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

ST Segments : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

TWave : Ext. Leads **ĐỆT/D3**

: Pre. Leads **BT**

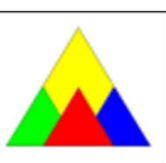
UWave : Ext. Leads **BT**

: Pre. Leads **BT**

**KẾT LUẬN** : GHI NHẬN SÓNG T ĐỆT/D3

Cao : 164 Nặng : 57 HA : 120/81 Tốc độ : 25mm/s Ngày : 8/9/2022 Giờ : 8:13  
Chỉ định : \* OSAT





\*7033554\*

## KẾT QUẢ X QUANG

QRCode kết quả



Họ và tên :  
Địa chỉ : 29  
BS chỉ định

Số KTC : 2

ID: 7033554

Số TT : 526

Ngày ĐK : 08/09/2022

Giờ ĐK : 08:33 AM KQ : 09:25 AM

Lý do khám : đau thắt lưng -> chân trái. nổi mẩn đỏ chân trái (sau uống thuốc) #1tuần.

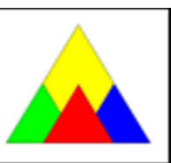
### XQ Lồng Ngực Thẳng [In Giấy]

|                |                           |
|----------------|---------------------------|
| Thành ngực     | : Không có ảnh bất thường |
| Màng phổi      | : Không có ảnh bất thường |
| Trung thất     | : Không có ảnh bất thường |
| Tim            | : Không có ảnh bất thường |
| Động mạch chủ  | : Không có ảnh bất thường |
| Huyết phế quản | : Không có ảnh bất thường |
| Phổi           | : Không có ảnh bất thường |
| Cơ hoành       | : Không có ảnh bất thường |

Cảm nghĩ : Không phát hiện bệnh lý trên phim XQ ngực (Normal chest film)

Đề nghị :





## KẾT QUẢ X QUANG

QRCode kết quả



Họ và tên :  
Địa chỉ : 29  
BS chỉ định : I

Số KTC : 2

ID: 7033554  
Số TT : 526  
Ngày ĐK : 08/09/2022  
Giờ ĐK : 08:33 AM KQ : 09:25 AM

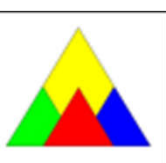
Lý do khám : đau thắt lưng -> chân trái. nổi mẩn đỏ chân trái (sau uống thuốc) #1tuần.

### XQ Cột Sống Thắt Lưng T/N [In Giấy]

|                       |                           |
|-----------------------|---------------------------|
| Thân Đốt Sống         | : Không có ảnh bất thường |
| Cung Đốt Sống         | : Không có ảnh bất thường |
| Đĩa Dệm               | : Không có ảnh bất thường |
| Độ Cong Cột Sống      | : Không có ảnh bất thường |
| Mật Độ Xương          | : Không có ảnh bất thường |
| Lỗ Liên Hợp           | : Không có ảnh bất thường |
| Hình Bất Thường       | : Không có ảnh bất thường |
| Cấu Trúc Cận Cột Sống | : Không có ảnh bất thường |

Cảm nghĩ : Không phát hiện bệnh lý trên phim XQuang cột sống thắt lưng  
Đề nghị :





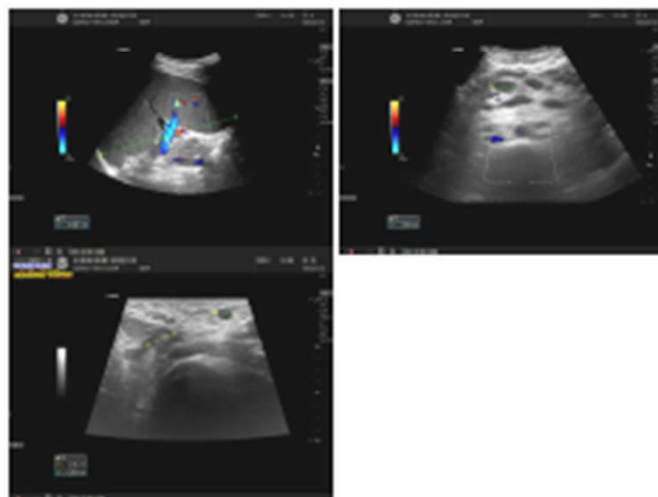
## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU



ID : 7033554 Ngày ĐK: 08/09/2022 08:19  
Họ và tên :  
Địa chỉ :  
Lâm sàng : ĐAU THẤT LUNG -> CHÂN TRÁI. NỔI MẮN ĐỎ CHÂN TRÁI (SAU UỐNG THUỐC) #1TUAN.  
BS chỉ định : BV chỉ định : MEDIC

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: to, 148mm, đồng dạng.
- THẬN P: không sỏi, không ứ nước. THẬN T: không sỏi, không ứ nước.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướu, vách mỏng.
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Ascites (-). Nhiều hạch mạc treo, hạch dọc động mạch chủ bụng - chậu trái,  $d = 10 - 21\text{mm}$ . Không hạch chậu phải
- Hạch bẹn trái 7 mm . Hạch góc trên đòn trái 9mm
- Không hạch nách hai bên



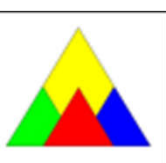
### KẾT LUẬN:

Nhiều hạch mạc treo, hạch dọc động mạch chủ bụng - chậu trái,  $d = 10 - 21\text{mm}$   
Hạch bẹn trái 7 mm . Hạch góc trên đòn trái 9mm . Lách to .

### Đề nghị:

CT scan ngực - bụng .





\*7033554\*

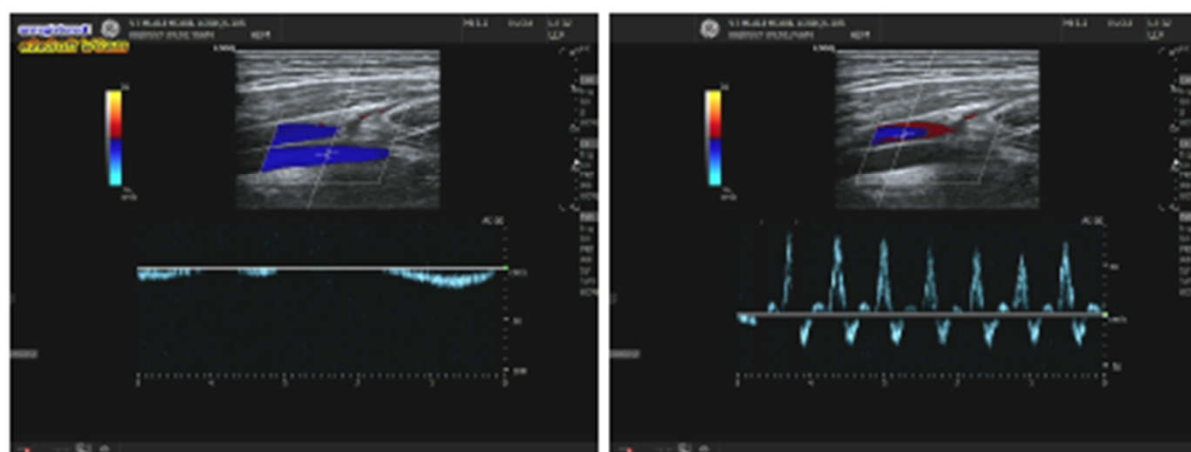
## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU



ID : 7033554 Ngày ĐK: 08/09/2022 08:19  
Họ và tên :  
Địa chỉ :  
Lâm sàng : ĐAU THẤT LUNG -> CHÂN TRÁI. NỔI MẮN ĐỎ CHÂN TRÁI (SAU UỐNG THUỐC) #1TUAN.  
BS chỉ định : BV chỉ định : MEDIC

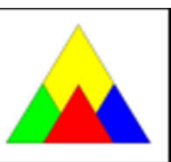
### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM DOPPLER MẠCH MÁU CHÂN

- Hệ động mạch có dòng chảy từ động mạch chậu , xuống động mạch đùi , động mạch khoeo , động mạch chày sau và động mạch mu chân hai bên : thành mạch mềm mại , không hẹp , vận tốc dòng chảy bình thường.
  - Hệ tĩnh mạch sâu hai chân từ tĩnh mạch chậu xuống tĩnh mạch đùi , tĩnh mạch khoeo , tĩnh mạch chày trước , tĩnh mạch chày sau hai bên không giãn , không có dòng trào ngược qua van , đè xẹp hoàn toàn , không huyết khối.
- Tĩnh mạch hiển lớn - bé hai bên không có dòng trào ngược, không huyết khối



**KẾT LUẬN:** KHÔNG PHÁT HIỆN BỆNH LÝ MẠCH MÁU CHÂN .





## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(BHLTTXN.XN.E2.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2016 - Phiên bản: 1.2)

Họ tên:  
Ngày tháng năm sinh: 1991  
Số CCCD/Hộ chiếu:

Phái: Nam  
Quốc tịch:  
ĐT: 0978704891

Địa chỉ: 29/ 5 A KP. 6, P. TAM HIỆP, TP. BIÊN HÒA, T. ĐỒNG NAI  
Đơn vị: Medlc  
Nơi lấy mẫu:

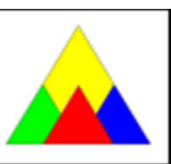
BS yêu cầu:

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu  
TÊN XÉT NGHIỆM  
KẾT QUẢ  
KHOẢNG THAM CHIẾU  
MÃ QT

### I. HUYẾT HỌC / ĐÔNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION

#### NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)<sup>1</sup>

|        |              |                                  |         |
|--------|--------------|----------------------------------|---------|
| WBC    | 4.1          | (4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L     | QTHH019 |
| % Neu  | 66.0         | (40 - 74 %)                      |         |
| % Lym  | 16.8         | (19 - 48 %)                      |         |
| % Mono | 15.4         | (3 - 9 %)                        |         |
| % Eos  | 1.5          | (0 - 7 %)                        |         |
| % Baso | 0.3          | (0 - 1.5 %)                      |         |
| # Neu  | 2.7          | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Lym  | <u>0.7 L</u> | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Mono | 0.6          | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Eos  | 0.1          | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| # Baso | 0.0          | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| RBC    | 5.27         | (3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L | QTHH020 |
| Hb     | 15.5         | (12 - 18 g/dL)                   | QTHH025 |
| Hct    | 44.4         | (35 - 52 %)                      |         |
| MCV    | 84.3         | (80 - 97 fL)                     |         |
| MCH    | 29.4         | (26 - 32 pg)                     |         |
| MCHC   | 34.8         | (31 - 36 g/dL)                   |         |
| RDW    | 12.8         | (11.0 - 15.7%)                   |         |
| PLT    | <u>81 L</u>  | (130 - 400)10 <sup>9</sup> /L    | QTHH021 |
| MPV    | 8.0          | (6.30 - 12.0 fL)                 |         |



## II. VI SINH/NƯỚC TIỂU/PHÂN/ĐÀM/DỊCH - MICROBIOLOGY/URINE/STOOL/SPUTUM/FLUID ANALYSIS

### URINARY ANALYSIS:

QTVS044

#### 1) Chemistry (Sinh Hóa) :

|              |        |               |
|--------------|--------|---------------|
| Glucose      | NEG    | (mmol/L)      |
| Bilirubin    | NEG    | (μmol/L)      |
| Ketone       | NEG    | (mmol/L)      |
| Spe-Gravity  | 1.028  | (1.005-1.030) |
| Blood        | NEG    | (NEGATIVE)    |
| pH           | 6.0    | (4.6-8.0)     |
| Protein      | NEG    | (g/L)         |
| Urobilinogen | NEG    | (μmol/L)      |
| Nitrite      | NEG    | (NEGATIVE)    |
| Leucocytes   | NEG    | (NEGATIVE)    |
| Color        | Yellow |               |
| Clarity      | Clear  |               |

#### 2) Urine Sediment (Cặn Lắng):

|                             |   |                |
|-----------------------------|---|----------------|
|                             | . | (particles/μL) |
| Red Blood Cells             | 2 | (0 - 15)       |
| Leucocytes                  | 0 | (0 - 15)       |
| Calcium oxalate monohydrate | 0 | (0 - 6)        |
| Calcium oxalate dihydrate   | 0 | (0 - 6)        |
| Amor.Phosphate              | 0 | (0 - 6)        |
| Uric acid                   | 0 | (0 - 6)        |
| Casts                       | 0 | (0 - 6)        |
| Epithelial Cells            | 0 | (0 - 10)       |
| Bacteria                    | 0 | (0 - 130)      |

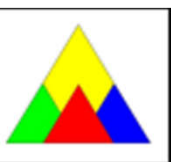
### III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY

#### IONOGRAMME<sup>2</sup>:

\*

QTSH067

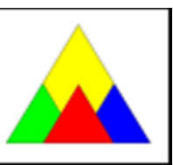
|    |       |                     |
|----|-------|---------------------|
| Na | 140.3 | (130 - 145 mmol/L)  |
| K  | 4.19  | (3.40 - 5.1 mmol/L) |
| Ca | 2.31  | (2.1 - 2.80 mmol/L) |
| Cl | 104.6 | (96 - 108 mmol/L)   |



|                                                 |                |                                    |         |
|-------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|---------|
| Glucose (mmol/L) (FPG) <sup>1</sup>             | <b>5.99 H</b>  | (3.90 - 5.90 mmol/L)               | QTSH001 |
| Glucose (mg/dL)                                 | <b>107.8 H</b> | (70 - 106 mg/dL)                   |         |
| SGOT (AST) <sup>1</sup>                         | 18.58          | (< 35 U/L)                         | QTSH005 |
| SGPT (ALT) <sup>1</sup>                         | 11.64          | (3 - 30 U/L)                       | QTSH013 |
| Uric Acid/Serum <sup>1</sup>                    | 4.60           | (M : 3.4-7.0; F : 2.4-5.7mg/dL)    | QTSH014 |
| hs CRP                                          | 22.41          | (≤ 3 mg/L)                         | QTSH028 |
| Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)                       | *              |                                    |         |
| Creatinin/Serum <sup>2</sup>                    | 0.807          | (M: 0.6 - 1.3; F:0.5 - 1.1 mg/dL)  | QTSH027 |
| eGFR (CKD-EPI)                                  | 121            | (≥ 90 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> ) |         |
| LDL Cholesterol <sup>2</sup>                    | 1.86           | (< 3.60 mmol/L)                    | QTSH093 |
| HDL Cholesterol <sup>2</sup>                    | <b>0.675 L</b> | (≥ 0.90 mmol/L)                    | QTSH084 |
| Triglycerides <sup>1</sup>                      | 0.885          | (0.5 - 2.30 mmol/L)                | QTSH015 |
| Cholesterol, Total <sup>1</sup>                 | 2.88           | (2.6 - 5.2 mmol/L)                 | QTSH003 |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>               |                |                                    |         |
| HIV Ag/Ab Combo                                 | NEG S/CO 0.110 | (S/Co < 1)                         | QTMD158 |
| TSH u.sensitive (3rd G) <sup>1</sup>            | 1.91           | (0.32 -5 µIU/ml)                   | QTMD009 |
| C.E.A <sup>1</sup>                              | <1.73          | (< 5 ng/mL)                        | QTMD007 |
| β2 Microglobulin ( Siemens)                     | <b>2241 H</b>  | (< 2164 pg/L)                      | QTMD030 |
| HBsAg (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>     | NEG S/CO 0.520 | (Index <1; S/Co <1)                | QTMD017 |
| Anti HBs (Định lượng,quantitative) <sup>2</sup> | 0.000          | (≥ 10 mIU/mL)                      | QTMD123 |
| Anti HCV (Định tính, qualitative) <sup>1</sup>  | NEG S/CO 0.080 | (S/Co < 1; Index < 1)              | QTMD018 |
| IgE <sup>2</sup>                                | 6.28           | (< 130 UI/mL)                      |         |

Ngày: 08/09/2022  
Khoa Xét nghiệm

Số trang: 3/4

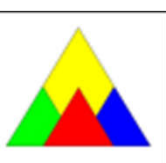


## Khám lại:

- Da vùng đùi trái và cẳng chân trái có nhiều mẩn đỏ và bóng nước, gây đau bỏng rát --> td Zona
- Thêm cận lâm sàng: HIV Test – CEA – Beta 2 microglobulin - CT ngực + bụng.







\*7033554\*

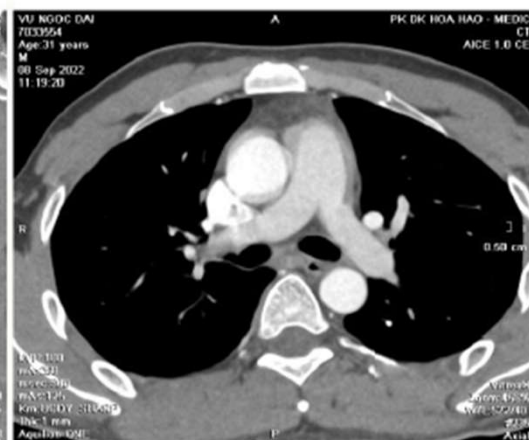
## MEDIC CT SCAN REPORT

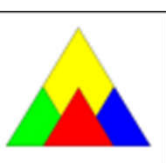
---

|                 |                                                                                                     |                            |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| STT             | : 220908175                                                                                         | Ngày ĐK : 08/09/2022 10:59 |
| Bệnh nhân       | :                                                                                                   |                            |
| Địa chỉ         | :                                                                                                   |                            |
| Bác sĩ chỉ định | :                                                                                                   |                            |
| Bệnh viện       | : MEDIC                                                                                             | Khoa : PK                  |
| LÝ DO KHÁM      | :                                                                                                   |                            |
| Máy             | : MSCT 640 _ 2                                                                                      |                            |
| Vùng            | : CT NGỰC                                                                                           | Tiêm chất tương phản       |
| Kết quả         | : KỸ THUẬT:                                                                                         |                            |
|                 | Các lát hình 1mm qua 2 phổi, không và có tiêm cản quang, khảo sát ở hai cửa sổ: nhu mô, trung thất. |                            |
|                 | MÔ TẢ:                                                                                              |                            |
|                 | Khí quản thoáng, không tắc nghẽn. Không tổn thương nhu mô phổi hai bên.                             |                            |
|                 | Không thấy tràn dịch màng phổi hai bên.                                                             |                            |
|                 | Không thấy phì đại hạch trung thất, hạch rốn phổi hai bên.                                          |                            |
|                 | ĐMC ngực không phình, các nhánh ĐM trên cung bình thường.                                           |                            |
|                 | Vách thực quản mỏng, không giãn.                                                                    |                            |
|                 | Không thấy tổn thương thành ngực.                                                                   |                            |
|                 | *** KẾT LUẬN:                                                                                       |                            |
|                 | KHÔNG PHÁT HIỆN BẤT THƯỜNG CÓ Ý NGHĨA BỆNH LÝ TRÊN CÁC PHIM CT NGỰC HÔM NAY.                        |                            |



Report Date: 1 Nov 2022-03:56PM





\*7033554\*

## MEDIC CT SCAN REPORT

---

|                 |                |                            |
|-----------------|----------------|----------------------------|
| STT             | : 220908176    | Ngày ĐK : 08/09/2022 11:00 |
| Bệnh nhân       | :              |                            |
| Địa chỉ         | :              |                            |
| Bác sĩ chỉ định | :              |                            |
| Bệnh viện       | : MEDIC        | Khoa : PK                  |
| LÝ DO KHÁM      | :              |                            |
| Máy             | : MSCT 640 _ 2 |                            |
| Vùng            | : CT VÙNG BỤNG | Tiêm chất tương phản       |
| Kết quả         | : ** KỸ THUẬT: |                            |

Vùng bụng - chậu được khảo sát với các lát hình liên tục 1mm với máy MSCT Aquilion, không và có tiêm thuốc cản quang.

**\*\* KẾT QUẢ:**

Gan không to, bờ đều, nhu mô gan đồng nhất. Không thấy focal bất thường trong nhu mô gan.  
Đường mật trong và ngoài gan không dẫn. Túi mật không to, thành mỏng, không thấy sỏi cản quang.  
Lách to đồng dạng, chiều cao lách 165mm  
Tụy hình dạng kích thước bình thường.  
Hai thận hình dạng kích thước bình thường, không sỏi cản quang, không ứ nước.  
Bàng quang hình dạng kích thước bình thường, vách mỏng.  
Tiến liệt tuyến không to.  
Nhiều hạch quanh hệ thần tạng, cạnh động mạch chủ, mạc treo và hạch chậu hai bên 5-20mm. Các hạch bắt thuốc cản quang và có sandwich sign (+).  
Không thấy dịch tự do trong vùng khảo sát.

**\*\*\* KẾT LUẬN:**

**NHIỀU HẠCH TRONG VÀ SAU PHÚC MẠC + LÁCH TO THEO DỐI LYMPHOMA**







## Tóm tắt bệnh án

- BN nam, 31 tuổi
- Tổn thương bóng nước ngoài da gây đau rát
- Xuất hiện một bên chân trái
- XN: HC, BC bình thường - TC giảm  
Beta 2 microglobulin tăng nhẹ  
HIV (-)
- SA bụng: nhiều hạch ổ bụng, hạch bẹn trái, hạch trên đòn trái, lách to nhẹ
- CT bụng: nhiều hạch trong và sau phúc mạc + lách to, theo dõi lymphoma



# Bàn luận

## 1. Tổn thương da

- Dị ứng da do thuốc
- Bệnh zona thần kinh

## 2. Hạch toàn thân

- Hạch viêm phản ứng
- Lymphoma

## 3. Lách to



## Chẩn đoán

- Zona thần kinh chân trái + hạch viêm phản ứng
- CĐPB: Zona thần kinh chân trái / lymphoma



## Diễn tiến bệnh

- Điều trị zona sau 10 ngày







# Diễn tiến bệnh

- Tái khám tại BV Đa khoa tỉnh Đồng Nai (BHYT)  
--> chuyển BV Chợ Rẫy
- SA bụng tại BV Chợ Rẫy: lách to và vài hạch vùng chậu 2 bên
- Hẹn tái khám 1 tháng sau, không điều trị gì thêm

KHOA SE  
ĐC: 201B Nguyễn  
ĐT: 02

PHIẾU

2022 15:47 Số nhập viện: 22066

PK: Huỳnh Học (D)  
Chẩn đoán: Siêu âm ổ bụng

Chẩn đoán  
MỔ T.

ASCITE: Không  
TOMP: Không

GAN:  
Kích thước: Không to  
Cấu trúc: Đồng dạng  
Độ echogen: Bình thường  
TÍNH MẠCH CỬA: Không dẫn  
TÍNH MẠCH TRÊN GAN: Không dẫn  
NHÁNH GAN P: Không dẫn  
TỦI MẬT: Không to, vách mỏng, không sỏi.  
ỐNG MẬT CHỦ: Không dẫn, không sỏi.

NHÁNH GAN T: Không dẫn.

LÁCH: To d#132mm, không tổn thương khu trú.  
TỤY: Đầu, thân, đuôi tụy không to, echo bình thường

THẬN (P): Bình thường.  
Kích thước: Không to  
Cấu trúc: Giới hạn vỏ/tủy rõ  
Độ echogen: Kém hơn gan

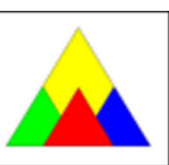
THẬN (T): Bình thường.  
Kích thước: Không to  
Cấu trúc: Giới hạn vỏ/tủy rõ  
Độ echogen: Kém hơn gan

BÀNG QUANG: Bình thường.  
TIỀN LIỆT TUYẾN: Không to

ỐNG TIỂU HÓA: Không gì lạ.  
VẤN ĐỀ KHÁC: Vùng chậu 2 bên có vài hạch echo kém d# 15-20mm

KẾT LUẬN  
- LÁCH TO.  
- HẠCH VÙNG CHẬU HAI BÊN

HÌNH ẢNH



Địa chỉ: 201B, Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú, TP. HCM  
Điện thoại: 079048.22066651

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Họ tên: [Redacted]  
Năm sinh: [Redacted]  
Mã ID: 200922-1207765 Mã bệnh nhân: 079048.220666551  
Nơi gửi: **PK. Huyết Học Điều Trị Trong Ngày**  
BS chỉ định: [Redacted]  
Chẩn đoán: Hạch to khu trú

Lấy mẫu: 20/09/2022 15:29:12  
Nhận mẫu: 20/09/2022 15:29:12  
Trả KQ: 21/09/2022 10:13:38  
Loại mẫu: [Redacted]  
Chất lượng mẫu: 0

| Tên xét nghiệm                             | Kết quả  | Đơn vị | CSBT        | Mã QT | Máy XN |
|--------------------------------------------|----------|--------|-------------|-------|--------|
| Tỉ lệ pethrombin Time                      | 97       | %      | 70 - 100    |       |        |
| INR                                        | 1.02     |        | 1-1.2       |       |        |
| FIB                                        | 2.46     | g/L    | 1.8 - 4.2   |       |        |
| Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá |          |        |             |       |        |
| APTT                                       | 28.8     | giây   | 25.0 - 34.0 |       |        |
| APTT (R)                                   | 0.95     |        | 0.8 - 1.2   |       |        |
| <b>Vi Sinh</b>                             |          |        |             |       |        |
| Anti HIV (Abbott)                          | Negative |        | <1.0        |       |        |

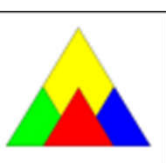
**XÉT NGHIỆM D - SINH HÓA**

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Họ tên: [Redacted]  
Năm sinh: [Redacted]  
Mã ID: 200922-1207765 Mã bệnh nhân: 079048.220666551  
Nơi gửi: **PK. Huyết Học Điều Trị Trong Ngày**  
BS chỉ định: [Redacted]  
Chẩn đoán: Hạch to khu trú

Lấy mẫu: 20/09/2022 15:29:12  
Nhận mẫu: 20/09/2022 15:29:12  
Trả KQ: 21/09/2022 10:13:38  
Loại mẫu: [Redacted]  
Chất lượng mẫu: 0

| Tên xét nghiệm       | Kết quả | Đơn vị | CSBT        | Mã QT | Máy XN |
|----------------------|---------|--------|-------------|-------|--------|
| <b>Huyết Học</b>     |         |        |             |       |        |
| <b>Công thức máu</b> |         |        |             |       |        |
| RBC                  | 5.40    | T/L    | 3.8 - 5.5   |       |        |
| HGB                  | 158     | g/L    | 120 - 170   |       |        |
| HCT                  | 46.2    | %      | 34 - 50     |       |        |
| MCV                  | 85.5    | fL     | 78 - 100    |       |        |
| MCH                  | 29.3    | pg     | 24 - 33     |       |        |
| MCHC                 | 343     | g/L    | 315 - 355   |       |        |
| WBC                  | 10.5    | G/L    | 4 - 11      |       |        |
| %NEU                 | 87.3    | %      | 45 - 75     |       |        |
| NEU#                 | 9.2     | G/L    | 1.8 - 8.25  |       |        |
| %LYM                 | 10.2    | %      | 20 - 40     |       |        |
| LYM#                 | 1.1     | G/L    | 0.8 - 4.4   |       |        |
| %MONO                | 2.3     | %      | 4 - 10      |       |        |
| MONO#                | 0.2     | G/L    | 0.16 - 1.1  |       |        |
| %EOS                 | 0.1     | %      | 2 - 8       |       |        |
| EOS#                 | 0.0     | G/L    | 0.08 - 0.88 |       |        |
| %BASO                | 0.1     | %      | 0 - 2       |       |        |
| BASO#                | 0.0     | G/L    | 0 - 0.22    |       |        |
| %NRBC                | 0.2     | %      | 0 - 0.1     |       |        |
| #N-RBC               | 0.02    | G/L    | 0 - 0.001   |       |        |
| PLT                  | 213     | G/L    | 200 - 400   |       |        |
| MPV                  | 7.6     | fL     | 7 - 12      |       |        |
| Thời gian pethrombin |         |        |             |       |        |
| Đông máu PT          | 13.6    | giây   | 12.0 - 14.0 |       |        |



BỘ Y TẾ  
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY HẸN KHÁM LẠI



Mã hồ sơ: 220666551

### 1. Hành chính

- Bệnh nhân:

- Địa chỉ:

- Số thẻ BHYT:

- Hạn sử dụng từ: 01/01/2022 đến ngày: 31/12/2022 Lần in: Ngày in: 2022-09-21 15:45

### 2. Thông tin chuyển tuyến

- Bệnh viện chuyển đến: Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Đồng Nai

- Số giấy chuyển tuyến: 019327/2022/get

- Chẩn đoán tuyến trước: Mày đay - zona thần kinh/2022/GCT theo dõi lymphoma

- Thuộc danh mục bệnh mãn tính: Có ☐ Không ☒

- Ngày khám bệnh lần đầu với bản chính giấy chuyển tuyến: 20-09-2022 15:02:24

### 3. Thông tin khám bệnh lần này

- Ngày khám: 21/09/2022

- Chẩn đoán: R59.0 - Hạch to khu trú(--)-

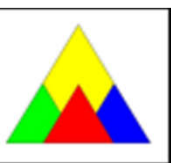
Phòng khám: PK. Huyết Học (D) Số ngày thuốc: 30 Ngày tái khám: 21/10/2022 TK lần:

- Hoặc khám lại bất kỳ thời gian nào trước ngày hẹn khám lại nếu có dấu hiệu (triệu chứng) bất thường (khi đi nhớ mang theo thuốc lãnh BHYT nhưng chưa sử dụng hết)

- Giấy hẹn khám lại chỉ có giá trị sử dụng 01 (một) lần trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được hẹn tái khám.

Ghi chú:

BÁC SỸ KHÁM BỆNH



PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGUYỄN AN PHÚC  
613 Đồng Khởi, KP8, P.Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai  
TEL: (061) 3 898989

NGUYỄN AN PHÚC

## PHIẾU KẾT QUẢ SIÊU ÂM

Họ tên : Tuổi : 1991 Phái : Nam  
Địa chỉ :  
Chẩn đoán : Đau bụng không xác định và đau bụng khác

### SIÊU ÂM Ổ BỤNG

Gan: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng nhất.

Túi mật: không to, thành không dày, không sỏi.

Đường mật: Trong và ngoài gan không dẫn, không sỏi.

Ống mật chủ: không sỏi không giãn

Tụy: Cấu trúc đồng nhất, không to ống Wirsung không giãn.

Lách: to d# 127mm, tĩnh mạch lách không dẫn.

Thận:

Thận phải: Không sỏi, không ứ nước.

Thận trái: Không sỏi, không ứ nước.

Bàng quang: Thành không dày, không sỏi.

Tiền liệt tuyến: Không to, cấu trúc đồng nhất.

Dịch ổ bụng: Không có

Động mạch chủ bụng: Không phình

### HÌNH SIÊU ÂM



**KẾT LUẬN :**  
LÁCH TO

Ngày 12 tháng 11 năm 2022  
Bác sĩ siêu âm



## Kết luận

- Vai trò quan trọng của lâm sàng trong chẩn đoán bệnh zona thần kinh
- Khai thác bệnh sử kỹ lưỡng và thăm khám cẩn thận giúp tránh cho bệnh nhân những can thiệp xâm lấn chưa cần thiết





## Tài liệu tham khảo

- <https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/benh-zona-kinh-va-cach-dieu-tri/>
- <http://www.benhvien103.vn/benh-zona/>
- <https://www.medicalnewstoday.com/articles/314123>
- <https://www.vinmec.com/vi/tieu-hoa-gan-mat/thong-tin-suc-khoe/la-lach-nguyen-nhan-trieu-chung-va-phuong-phap-dieu-tri/>
- <https://bvnguyentriphuong.com.vn/khoa-kham-benh/lach-to-gay-ra-do-dau>





# Thank You